TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2024/HS-ST Ngày: 21 - 10 - 2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Huỳnh Tứ .

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Thanh Khảnh và bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà tham gia phiên toà: bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn R, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1995 tại Phú Yên; Nơi cư trú: khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định và bà: Lê Thị H, sinh năm 1955; Vợ: Lê Thị Việt T (đã ly hôn năm 2020); có 01 con sinh năm 2018; Tiền án: ngày 16/02/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 18/01/2024. Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 28/11/2018, bị Toà án nhân dân Quận 2, TP . ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 16/10/2019. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo***:

1. Ông Ngô Tấn H1, có đơn xin vắng mặt

2. Bà Nguyễn Kim C, có mặt

Đều là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh P.

**** Bị hại:*** Trường THPT N

Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: ông Cao Sỹ D – Hiệu trưởng trường THPT N;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Dương Bình M – Phó hiệu trưởng trường THPT N; theo văn bản uỷ quyền số 70/NVL ngày 08/4/2024. Có đơn xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: khu phố N, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

**** Người làm chứng***:

1. Anh Phan Thế H2, sinh năm 1990; vắng mặtNơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; vắng mặt

Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 27/3/2024, Nguyễn Văn R điều khiển xe mô tô biển số 53S9-5983 đến khu vực bãi đất trống phía tây trường Trung học phổ thông N thuộc khu phố P phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, nhặt ve chai, R phát hiện khu vực vách tường dãy phòng vệ sinh nhà Đa năng của trường THPT N có dây kim loại trần nằm dưới đất dùng để thu lôi tiếp đất chống sét không có người trông coi nên nảy sinh ý định cắt trộm dây kim loại này bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Rằng điều khiển về nhà lấy đèn pin, kiềm cắt, trên đường đi, R nhặt 01 bao nhựa; rồi quay lại trường Nguyễn Văn L1. Đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, R để xe bên ngoài, leo tường vào trường THPT N, dùng kìm cắt 04 đoạn dây kim loại rồi leo tường ra bên ngoài, bị Cơ quan Công an và người dân phát hiện bắt quả tang, thu hồi tài sản trả lại cho đại diện nhà trường.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Đ: 04 đoạn dây kim loại có tổng trọng lượng 6,47 kg, trị giá 2.164.978 đồng.

Vật chứng vụ án:

+ 04 đoạn dây kim loại đã trả lại cho chủ sở hữu;

+ Đang tạm giữ: 01 đèn pin, 01 kìm cắt kim loại, 01 bao nhựa, 01 xe mô tô, loại Loncin, nhãn hiệu Dream, không gắn biển số; 01 biển số xe mô tô 53S9-5983.

Về dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSĐH ngày 22/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà truy tố bị cáo Nguyễn Văn R "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Bị hại có đơn xin vắng mặt: về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật, về dân sự không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, bị cáo Nguyễn Văn R đã phạm tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng vụ án: 04 đoạn dây kim loại đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Trả 01 xe mô tô loại Loncin, nhãn hiệu Dream, không gắn biển số; biển số xe mô tô 53S9-5983 cho Nguyễn Văn T1; tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin, 01 kìm cắt kim loại, 01 bao nhựa. Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: thống nhất về tội danh, điều luật truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức Kiểm sát viên đề nghị để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật nhà nước mà yên tâm cải tạo.

Bị cáo không tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về lao động giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án nên đều là chứng cứ hợp pháp.

[2] Tại phiên toà: người bào chữa cho bị cáo - ông Ngô Tấn H1, bị hại có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, bị cáo thống nhất, không có ý kiến gì về việc người bào chữa ông H1 vắng mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan điều tra và sự vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 291, 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn R đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội

đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Văn R đã có hành vi trộm cắp của trường Trung học phổ thông N 04 đoạn dây kim loại trị giá 2.164.978 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Văn R về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Toà án kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm, không cải tạo, sửa chữa bản thân thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

[5] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đủ sức khỏe, trong độ tuổi lao động, nhưng không chịu lao động để có thu nhập chính đáng hợp pháp mà bị cáo lén lút trộm cắp 04 đoạn dây kim loại trị giá 2.164.978 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với nhân thân, mức độ và hậu quả đối với hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận; không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về việc xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của kiểm sát viên.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: 04 đoạn dây kim loại đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét; 01 xe mô tô, loại Loncin, nhãn hiệu Dream, không gắn biển số; 01 biển số xe mô tô 53S9-5983 của anh Nguyễn Văn T1 cho bị cáo R mượn để sử dụng, anh T1 không biết bị cáo R dùng xe mô tô này đi trộm nên trả lại xe cho anh T1; 01 đèn pin, 01 kìm cắt kim loại, 01 bao nhựa của bị cáo R là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Anh Nguyễn Văn T1 không có lỗi trong việc giao phương tiện cho bị cáo R sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T1 là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo có đơn xin miễn án phí vì là người thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều

12, 14, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn R** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn R 01 (một) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại 01 xe mô tô, loại Loncin, nhãn hiệu Dream, màu nâu, không gắn biển kiểm soát; số khung: 21Y-1832664; số máy FMG 00831664; 01 biển số xe mô tô 53S9-5983 cho anh Nguyễn Văn T1

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

+ 01 đèn Pin màu xanh, xám có kích thước (12x3x3,5) cm; đường kính dầu đèn 4,8 cm; 01 cái kìm cắt kim loại màu đen, bọc nhựa màu xanh, đen có dòng chữ "Super", kích thước 15,7 cm, nơi rộng nhất 5,5 cm; 01 bao nhựa màu vàng, phía trên có dòng chữ "NPK PHÚ MỸ", kích thước (93,5x55,5) cm.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 9 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 12, 14, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn R.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Công an thị xã Đông Hoà;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp;- Lưu HS.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Tứ